**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN T**
TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản số: 25/2023/DSST
Ngày: 21-3-2023
*V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Trần Thị Bích Thủy;

*Các Hội thẩm nhân dân*: - Bà Phạm Thị Tuyết Mai;
-Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Trần Trọng Khánh –Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:* BàTrần Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 217/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH M
Địa chỉ: Tầng 1-2 Tòa nhà P, số 5 đường D1, P. L, TP. Th, TP. Hồ Chí Minh;
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Huyền Tr – Giám đốc;
Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: TCông ty Luật TNHH MTV Sdo Trương Ngọc A – Giám đốc đại diện theo pháp luật, theo văn bản ủy quyền ngày 01-04-2022, có đơn xin xét xử vắng mặt;
Địa chỉ: 89 H, phường X, quận C, thành phố Đà Nẵng;

*Bị đơn:* Nguyễn Thanh S1, sinh năm 1996, vắng mặt;
Trú tại: Thôn N, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 01 tháng 7 năm 2022, Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn là ông Trương Ngọc A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 04-12-2018, anh Nguyễn Thanh S1 có ký hợp đồng tín dụng số 20181204-0010354 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng V(nay là Công ty tài chính TNHH Ngân hàng VSMBC) (sau đây gọi tắt là VPB SMBC FC) để vay số tiền 22.577.000đ với lãi suất thỏa thuận 3,92%/tháng để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, anh Nguyễn Thanh S1 có trách nhiệm thanh toán số tiền 42.461.441đ (bao gồm cả gốc và lãi), trả chậm liên tiếp trong vòng 36 tháng; 35 tháng đầu, mỗi tháng trả 1.181.000 đồng, tháng cuối cùng trả 1.126.441 đồng, bắt đầu từ ngày 11-01-2019. Thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Thanh S1 đã nhận đủ số tiền để tiêu dùng cá nhân và thanh toán được 23 lần với tổng số tiền 27.445.447đ, bao gồm 10.755.845đ nợ gốc và 16.689.602đ nợ lãi. Kể từ ngày 14-11-2020 đến nay, anh Nguyễn Thanh S1 không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào dù Công ty đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Ngày 29-6-2021, khoản nợ nói trên đã được VPB SMBC FC chuyển nhượng cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng Mua bán nợ số VPBFC –GALAXY -21-0008, ngày 28-6-2021.Do khách hàng trễ hạn thanh toán nên Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thanh S1 trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ 15.015.994đ bao gồm các khoản sau: Nợ gốc còn lại: 11.821.155đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 11-12-2021): 3.194.839đ. Công ty không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 12-12-2021 đến nay, ngoài ra, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn Nguyễn Thanh S1 vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án đã tiến hành thực hiện việc tống đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn anh S1 vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn buộc anh S1 phải thanh toán cho Công ty TNHH M số tiền là 15.015.994đ trong đó gồm nợ gốc còn lại: 11.821.155đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 11-12-2021), theo quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp vay tài sản, Bị đơn Nguyễn Thanh S1 cư trú tại Thôn N, xã Ph, huyện T, tỉnh Bình Định nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định. Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH M yêu cầu anh Nguyễn Thanh S1 trả cho Công ty số tiền mà anh S1 vay Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vcòn nợ là 15.015.994đ; trong đó gồm nợ gốc là 11.821.155đ và nợ lãi tính đến ngày hợp đồng hết hạn (ngày 11-12-2021) là 3.194.839đ. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vào ngày 04-12-2018, bị đơn Nguyễn Thanh S1 có ký hợp đồng tín dụng số 20181204-0010354 với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vđể vay 22.577.000đ, khi vay có hợp đồng vay, thỏa thuận lãi suất 47,65%/năm tương đương 3,92%/tháng, không thế chấp tài sản. Thời hạn vay được ấn định từ ngày 11-01-2019 đến ngày 11-12-2021. Đây là hợp đồng vay tài sản thuộc hợp đồng dân sự đúng theo quy định pháp luật do hai bên đương sự tự nguyện thực hiện. Quá trình thực hiện hợp đồng anh S1 đã thanh toán 27.445.447đ, đến nay còn nợ 15.015.994đ. Ngày 29-06-2021, khoản nợ nói trên đã được Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Vbán cho Công ty TNHH M, giao dịch chuyển nhượng được xác lập bằng Hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-GALAXY-21-0008 ngày 29-06-2021, trong đó có biên bản xác nhận rằng khoản nợ của bị đơn Nguyễn Thanh S1 đã được chuyển giao cho bên Công ty TNHH M. Nên nay Công ty TNHH M có quyền yêu cầu Tòa buộc anh S1 trả một lần cho Công ty toàn bộ số tiền nợ trên là có căn cứ theo khỏan 2 Điều 221 BLDS. Tuy nhiên Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu trên của Công ty TNHH M chỉ phù hợp phần đòi nợ gốc là 11.821.155đ. Bởi lẽ khi anh S1 tự nguyện thanh toán số tiền 27.445.447đ trong đó có nợ gốc là 10.755.845đ , phần lãi anh S1 đã trả 16.689.602đ. Phần lãi này là lãi suất cao nhưng anh S1 đã tự nguyện thực hiện, mà quá trình Tòa án triệu tập anh S1 không có yêu cầu tính lại lãi nên Tòa không xét phần lãi đã thực hiện. Riêng khoản tiền lãi mà Công ty yêu cầu anh S1 phải trả 3.194.839đ tính theo hợp đồng vay là 47,65%/ năm tương đương 3,92%/tháng là quá cao so với lãi suất tối đa theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, theo đó, lãi suất tối đa của Nhà nước quy định là 20%/năm, tương đương với 1,66%/tháng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều

486 BLDS và điểm b, khoản 2 Điều 8, Điều 9 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC " Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm" thì mức lãi suất giữa hai bên thỏa thuận vượt quá 20%/ năm so với Bộ luật dân sự, do đó Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi tối đa của Bộ luật dân sự là 20%/ năm để tính từ ngày 14-11-2020 đến ngày 11-12-2021 là 12 tháng 27 ngày thành tiền 11.821.155đ x 20% / năm x 12 tháng 27 ngày = 2.475.875đ. Do đó buộc anh S1 phải trả cho Công ty TNHH M tổng cộng là 14.296.020đ. Nên bác một phần lãi còn lại của Công ty yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Thanh S1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 718.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu án phí đối với phần lãi bị bác là 300.000đ sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 375.000đ được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 75.000đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T chỉ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử về phần đề nghị trả gốc, còn phần lãi không phù hợp như phân tích nêu trên nên không được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: các Điều 26, 35, 39, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều khoản 2 Điều 221, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức Tín dụng, điểm b khoản 2 Điều 8, Điều 9 Nghị Quyết 01/2019/HĐTP-TANDTC, ngày 11-01-2019 Của Hội đồng Thẩm phán TANDTC " Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm", khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Buộc anh Nguyễn Thanh S1 phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 14.296.020đ (Mười bốn triệu hai trăm chín mươi sáu nghìn không trăm hai mươi đồng); trong đó gốc là 11.821.155đ và lãi là 2.475.875đ tính đến ngày 11-12-2021.

- Bác một phần yêu cầu tính lãi của Công ty TNHH M.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

[2]. Về án phí DSST: Buộc anh Nguyễn Thanh S1 phải chịu 718.000đ, buộc Công ty TNHH M phải chịu 300.000đ để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH M đã nộp 375.000đ theo biên lai thu tiền số 0006391 ngày 12-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ vào án phí nên hoàn lại cho Công ty TNHH M 75.000đ.

[3] Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại Tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Phòng KTNV -TAND tỉnh BĐ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Bích Thủy**